

ỨNG DỤNG PHÂN TÍCH CỤM TRONG ĐÁNH GIÁ VÀ PHÂN LOẠI HIỆU QUẢ TẬN DỤNG FTA CỦA CÁC ĐỊA PHƯƠNG VIỆT NAM: BẰNG CHỨNG TỪ FTA INDEX 2024

Đào Ngọc Tiến¹

Trường Đại học Ngoại thương, Hà Nội, Việt Nam

Phùng Thị Lan Phương²

Công ty TNHH Tư vấn toàn cầu Globe Consult, Hà Nội, Việt Nam

Ngày nhận: 29/09/2025; Ngày hoàn thành biên tập: 03/11/2025; Ngày duyệt đăng: 10/11/2025

DOI: <https://doi.org/10.38203/jiem.vi.092025.1358>

Tóm tắt: Nghiên cứu này nhằm phân loại hiệu quả tận dụng Hiệp định Thương mại Tự do (FTA) của các tỉnh thành Việt Nam dựa trên FTA Index 2024. Dữ liệu từ báo cáo chính thức của Bộ Công Thương được phân tích bằng phương pháp phân tích cụm (cluster analysis) và thống kê mô tả để phân loại các tỉnh thành Việt Nam dựa trên 4 trụ cột của FTA Index 2024, đó là tuyên truyền và phổ biến thông tin FTA, thực hiện quy định pháp luật, chính sách hỗ trợ doanh nghiệp và phát triển bền vững. Kết quả cho thấy các tỉnh thành được chia làm 4 nhóm với đặc điểm rõ rệt. Nhóm dẫn đầu với 15 tỉnh thành có cơ cấu doanh nghiệp đa dạng và năng lực hành chính mạnh. Nhóm khá với 10 tỉnh thành có ít nhất một trụ cột nổi trội. Nhóm trung bình với 14 tỉnh thành phát triển tương đối đồng đều. Nhóm cần cải thiện với 15 tỉnh thành cần hỗ trợ toàn diện. Đồng thời, tồn tại sự phân hóa mạnh về mức độ tận dụng FTA giữa các địa phương, với khoảng cách 11,08 điểm giữa tỉnh cao nhất và thấp nhất. Từ đó, bài viết đưa ra bằng chứng thực nghiệm quan trọng để đề xuất các giải pháp chính sách phân hóa phù hợp với đặc điểm từng nhóm và cải thiện hiệu quả tận dụng các FTA.

¹ Khóa 34, Tác giả liên hệ, Email: dntien@ftu.edu.vn

² Khóa 42, Phó Giám đốc

Từ khóa: FTA Index, Phân tích cụm, Hiệp định thương mại tự do, Chính sách địa phương, Hội nhập kinh tế

Abstract: This study aims to classify the effectiveness of Free Trade Agreement (FTA) utilization among Vietnamese provinces based on the FTA Index 2024. Data from official reports of the Ministry of Industry and Trade were analyzed using cluster analysis and descriptive statistics to categorize Vietnamese provinces according to the four pillars of the FTA Index 2024: FTA information dissemination and communication, legal regulation implementation, business support policies, and sustainable development. The results reveal that provinces are divided into four distinct groups with clear characteristics. The leading group comprises 15 provinces with diverse business structures and strong administrative capacity. The good group consists of 10 provinces with at least one outstanding pillar. The average group includes 14 provinces with relatively balanced development. The improvement-needed group encompasses 15 provinces requiring comprehensive support. Concurrently, there exists substantial disparity in FTA utilization levels among localities, with a gap of 11.08 points between the highest and lowest-scoring provinces. Based on these findings, the study provides important empirical evidence to propose differentiated policy solutions tailored to the characteristics of each group and to enhance the effectiveness of FTA utilization.

Keywords: FTA Index, Cluster Analysis, Free Trade Agreements, Local Policies, Economic Integration

1. Giới thiệu

Trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập kinh tế quốc tế ngày càng sâu rộng, các Hiệp định Thương mại Tự do (FTA) đã trở thành công cụ quan trọng thúc đẩy trao đổi thương mại giữa các quốc gia. Theo Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO), tính đến đầu năm 2025, có khoảng 328 FTA có hiệu lực trên toàn thế giới, tăng mạnh so với 98 FTA vào năm 2000 (Bộ Công Thương, 2025). Việt Nam hiện là thành viên của 17 FTA với hơn 60 đối tác, thể hiện vai trò tích cực trong hội nhập kinh tế quốc tế. Tuy nhiên, việc tận dụng hiệu quả các FTA không đồng đều giữa các địa phương, tạo ra khoảng cách lớn về khả năng cạnh tranh và phát triển kinh tế.

Mặc dù có nhiều nghiên cứu về tác động của FTA đến kinh tế Việt Nam ở cấp quốc gia (Trịnh, 2023) nhưng chưa có công trình nào phân tích sâu về sự khác biệt trong việc thực thi FTA giữa các địa phương. Việc thiếu một công cụ đo lường thống nhất đã gây khó khăn cho việc đánh giá và so sánh hiệu quả tận dụng FTA giữa các tỉnh thành.

Nghiên cứu này có 04 mục tiêu cụ thể. Một là, phân loại các tỉnh thành Việt Nam thành các nhóm dựa trên FTA Index 2024. Hai là, xác định đặc điểm và nhân tố phân biệt của từng nhóm. Ba là, phân tích mối quan hệ giữa cơ cấu

doanh nghiệp và FTA Index. Bốn là đề xuất chính sách phù hợp cho từng nhóm tỉnh thành. Đây là nghiên cứu đầu tiên sử dụng FTA Index, một bộ chỉ số chính thức do Bộ Công Thương công bố để phân tích toàn diện việc thực thi FTA tại cấp địa phương ở Việt Nam. Kết quả nghiên cứu cung cấp bằng chứng thực nghiệm cho việc hoạch định chính sách hỗ trợ các địa phương tận dụng hiệu quả các FTA.

Bài viết có cấu trúc 5 phần. Sau phần giới thiệu, phần 2 trình bày tổng quan tình hình nghiên cứu. Phần 3 đưa ra phương pháp nghiên cứu. Kết quả nghiên cứu và thảo luận được trình bày ở phần 4. Cuối cùng, phần 5 đưa ra kết luận.

2. Tổng quan tình hình nghiên cứu

Các nghiên cứu về FTA truyền thống thường tập trung vào tác động thương mại theo lý thuyết của Viner (1950) về tạo lập thương mại và chuyển hướng thương mại. Tuy nhiên, các FTA thế hệ mới không chỉ bao gồm cắt giảm thuế quan mà còn mở rộng sang các lĩnh vực phi truyền thống như lao động, môi trường, và minh bạch hóa chính sách (Baldwin, 2011). Một lượng lớn các nghiên cứu gần đây sử dụng mô hình trọng lực để đo lường tác động của FTA đến thương mại song phương, như Jadhav & Ghosh (2024) trong phân tích tổng quan nghiên cứu đã cho thấy hơn 2.400 bài báo khoa học về FTA được xuất bản từ 1993-2021. Pham & cộng sự (2024) phân tích hiệu ứng tạo lập và chuyển hướng thương mại của FTA Hong Kong - ASEAN, trong khi Díaz-Mora & cộng sự (2024) chỉ ra tác động không đồng nhất của FTA đến các loại hình doanh nghiệp khác nhau. Tại Việt Nam, Trần & cộng sự (2024) đã so sánh tác động của CPTPP và EVFTA đến xuất khẩu dệt may, cho thấy tỷ lệ tận dụng ưu đãi thuế quan còn thấp trong giai đoạn đầu.

Trong khi đa số nghiên cứu tập trung vào cấp quốc gia hoặc ngành hàng, số lượng nghiên cứu về sự khác biệt trong thực hiện FTA giữa các địa phương còn hạn chế. Một số nghiên cứu quốc tế như Garv & Verma (2025) về FTA Ấn Độ - Anh và Sirenko & cộng sự (2024) đã nhấn mạnh vai trò của chính quyền địa phương trong việc thực thi FTA và sự khác biệt về mức độ hưởng lợi giữa các vùng. Tại Việt Nam, Văn (2024) chỉ ra sự không đồng đều trong việc tận dụng EVFTA giữa các tỉnh thành, với các địa phương có cơ sở hạ tầng tốt và nhiều doanh nghiệp FDI tận dụng hiệu quả hơn. Nguyễn & Võ (2024) trong nghiên cứu của mình cũng nhấn mạnh sự cần thiết phải cải thiện việc thực thi FTA ở cấp địa phương, đặc biệt trong công tác tuyên truyền và hỗ trợ doanh nghiệp.

Gần đây, Duke University DCID (2025) trong báo cáo Năng lực cạnh tranh cấp tỉnh của Việt Nam 2024 đã chỉ ra mối tương quan dương mạnh giữa năng lực cạnh tranh cấp tỉnh và khả năng thực thi FTA. Bộ Công Thương (2024) lần đầu tiên công bố FTA Index cho 63 tỉnh thành, ghi nhận khoảng cách lớn giữa tỉnh cao nhất (34,90 điểm) và thấp nhất (14,49 điểm), phản ánh sự phân hóa mạnh trong năng lực thực thi FTA.

Nhìn chung, các nghiên cứu trước đây về FTA chủ yếu phân tích ở cấp quốc gia hoặc theo ngành hàng, chưa có nghiên cứu hệ thống nào xem xét sự khác biệt trong thực thi FTA giữa các địa phương trong cùng một quốc gia. Khoảng trống này đặc biệt quan trọng khi FTA thế hệ mới đòi hỏi sự phối hợp chặt chẽ giữa chính quyền các cấp và năng lực hỗ trợ doanh nghiệp của địa phương. Nghiên cứu này sử dụng dữ liệu FTA Index 2024 của 63 tỉnh thành do Bộ Công Thương thực hiện để phân loại các tỉnh thành theo năng lực thực thi FTA và phân tích đặc điểm riêng biệt của từng nhóm. Kết quả nghiên cứu sẽ cung cấp cơ sở khoa học cho việc xây dựng chính sách hỗ trợ có mục tiêu, phù hợp với đặc điểm và năng lực của từng nhóm địa phương.

3. Phương pháp nghiên cứu

3.1 Dữ liệu nghiên cứu

Nghiên cứu sử dụng dữ liệu FTA Index 2024 do Bộ Công Thương công bố, được xây dựng dựa trên khảo sát doanh nghiệp tại các tỉnh thành trên cả nước. FTA Index bao gồm 4 trụ cột chính: Trụ cột 1: Tuyên truyền và phổ biến thông tin FTA - đánh giá mức độ tiếp cận thông tin về FTA của doanh nghiệp, với thang điểm 0-10. Trụ cột 2: Thực hiện quy định pháp luật - đánh giá tình hình tuân thủ các quy định pháp luật nội luật hóa từ cam kết FTA, với thang điểm 0-10. Trụ cột 3: Chính sách hỗ trợ doanh nghiệp - đánh giá hiệu quả các chương trình, chính sách hỗ trợ doanh nghiệp tận dụng FTA, với thang điểm 0-10. Trụ cột 4: Phát triển bền vững - đánh giá việc triển khai các cam kết phát triển bền vững tại địa phương, với thang điểm 0-10. FTA Index tổng hợp là tổng điểm của 4 trụ cột (thang điểm 0-40). Các xếp hạng cuối cùng được thực hiện cho 54 tỉnh thành trên cả nước, là những tỉnh thành có số doanh nghiệp tham gia khảo sát đảm bảo quy mô mẫu tối thiểu (50 doanh nghiệp).

3.2 Phương pháp phân tích

Phương pháp phân tích chính được sử dụng trong nghiên cứu này là phương pháp mô tả thống kê và phân tích cụm. Mô tả thống kê được sử dụng nhằm khảo sát phân phối của FTA Index tổng hợp và từng trụ cột. Trong khi đó, phân tích cụm là phương pháp thống kê đa biến được sử dụng để nhóm các đối tượng có đặc điểm tương đồng vào cùng một nhóm, đồng thời tối đa hóa sự khác biệt giữa các nhóm (Hair & cộng sự, 2019). Nghiên cứu này áp dụng phương pháp phân cụm phân cấp (Hierarchical Clustering) với thuật toán Ward để phân loại 63 tỉnh thành dựa trên FTA Index tổng hợp và các trụ cột thành phần. Phương pháp Ward là một trong những kỹ thuật phân cụm phân cấp hiệu quả nhất, được phát triển bởi Ward (1963) và được sử dụng rộng rãi trong nghiên cứu kinh tế-xã hội. Phương pháp này hoạt động dựa trên nguyên tắc tối thiểu hóa phương sai trong mỗi cụm, cụ thể là tối thiểu hóa tổng bình phương sai số trong cụm sau mỗi lần gộp cụm (Wani & cộng sự, 2024). Phương pháp Ward ưu việt hơn các phương

pháp liên kết khác vì tạo ra các cụm đồng nhất hơn và cân bằng về kích thước (Sinaga & cộng sự, 2025).

Quy trình phân tích cụm được thực hiện theo trình tự mạch lạc từ chuẩn bị dữ liệu đến đánh giá kết quả. Đầu tiên, do bốn trụ cột trong FTA Index (Tuyên truyền thông tin, Thực hiện pháp luật, Hỗ trợ doanh nghiệp, Phát triển bền vững) có thang đo và phạm vi giá trị khác nhau, dữ liệu được chuẩn hóa theo phương pháp Z-score để đảm bảo tất cả các biến có trọng số ngang nhau trong quá trình phân cụm. Việc chuẩn hóa giúp đưa tất cả các trụ cột về cùng một thang đo (trung bình bằng 0, độ lệch chuẩn bằng 1), tránh hiện tượng trụ cột có phạm vi giá trị lớn chi phối kết quả phân cụm (Milligan & Cooper, 1988; Hair & cộng sự, 2019). Nghiên cứu của Milligan & Cooper (1988) cho thấy chuẩn hóa Z-score là phương pháp hiệu quả nhất trong các phương pháp tiền xử lý dữ liệu cho phân tích cụm, đặc biệt khi các biến có đơn vị đo lường khác nhau. Công thức chuẩn hóa Z-score cho trụ cột j của tỉnh i là:

$$z_{ij} = \frac{x_{ij} - \bar{x}_j}{s_j}$$

trong đó, x_{ij} là giá trị gốc, \bar{x}_j là giá trị trung bình, s_j là độ lệch chuẩn của trụ cột j

Thứ hai, sau khi chuẩn hóa, ma trận khoảng cách Euclidean được tính toán để đo độ tương đồng giữa các tỉnh thành trong không gian bốn chiều (bốn trụ cột đã chuẩn hóa), với khoảng cách nhỏ hơn thể hiện sự tương đồng cao hơn về cấu trúc năng lực thực thi FTA. Khoảng cách Euclidean là thước đo bất đồng (dissimilarity measure) phổ biến nhất trong phân tích cụm với dữ liệu liên tục (Shirkhorshidi & cộng sự, 2015). Khoảng cách Euclidean giữa hai tỉnh i và k được tính bằng công thức:

$$d(i, k) = \sqrt{\sum_{j=1}^4 (z_{i,j} - z_{k,j})^2}$$

trong đó, $z_{i,j}$ và $z_{k,j}$ là giá trị chuẩn hóa Z-score của trụ cột j ở tỉnh i và tỉnh k . Quá trình phân cụm chỉ sử dụng bốn trụ cột thành phần, không sử dụng FTA Index tổng hợp để tránh hiện tượng đa cộng tuyến (multicollinearity) vì FTA Index là tổng của bốn trụ cột, dẫn đến sai lệch trong tính toán khoảng cách (Hair & cộng sự, 2019).

Thứ ba, thuật toán Ward's hierarchical clustering được áp dụng theo phương pháp tích tụ (agglomerative), bắt đầu từ 54 cụm riêng biệt (mỗi tỉnh thành là một cụm) và lần lượt gộp các cặp cụm có khoảng cách Ward nhỏ nhất - tức là việc gộp lại gây ra mức tăng phương sai trong cụm ít nhất - cho đến khi

đạt được cấu trúc phân nhóm tối ưu. Phương pháp Ward tối thiểu hóa tổng bình phương sai số trong cụm (within-cluster sum of squares) qua từng bước gộp, dẫn đến các cụm có tính đồng nhất nội bộ cao và sự tách biệt giữa các cụm rõ ràng (Murtagh & Legendre, 2014). Theo Székely & Rizzo (2005), phương pháp Ward vượt trội so với các phương pháp liên kết khác (single linkage, complete linkage, average linkage) trong việc tạo ra các cụm cân bằng về kích thước và đồng nhất về đặc tính nội tại. Wani & cộng sự (2024) đã áp dụng thành công phương pháp Ward để phân nhóm các bang Ấn Độ theo mức độ tận dụng FTA, cho thấy tính phù hợp của phương pháp này trong nghiên cứu về hiệu quả thực thi FTA ở cấp địa phương.

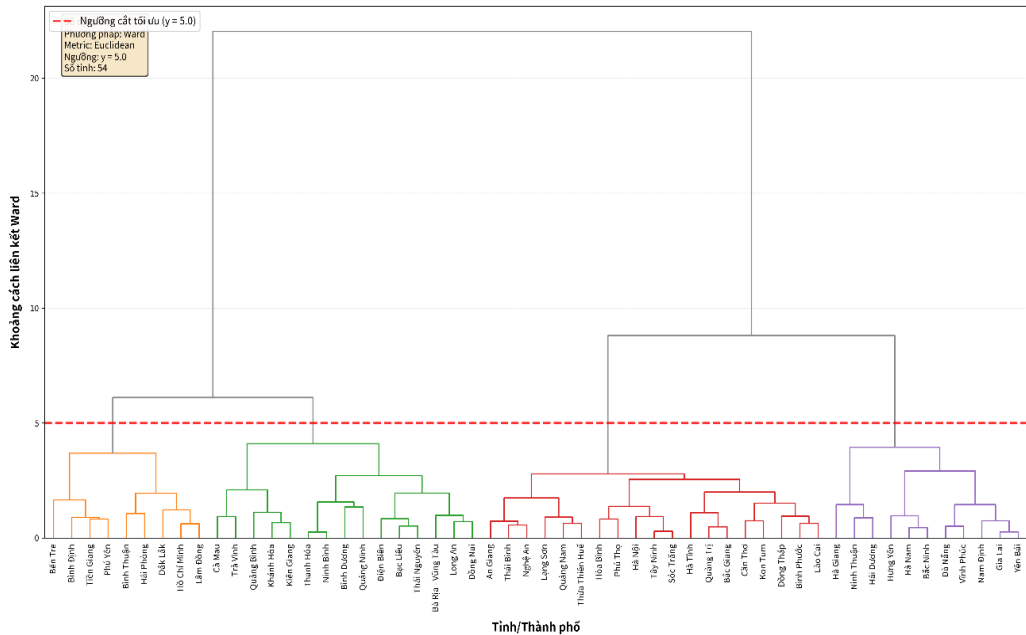
Thứ tư, số lượng cụm tối ưu được xác định là bốn nhóm dựa trên lý thuyết phân loại hiệu suất gợi ý bốn cấp độ - nhóm dẫn đầu, nhóm khá, nhóm trung bình, nhóm cần cải thiện - phù hợp với mục đích xây dựng chính sách phân biệt theo nhóm. Theo Ketchen & Shook (1996), việc chọn số cụm cần cân bằng giữa độ chính xác thống kê và tính hữu dụng trong ứng dụng thực tiễn, trong đó k bằng 4 cung cấp độ chi tiết đủ để phân biệt chính sách nhưng không quá phức tạp để triển khai.

Cuối cùng, chất lượng phân cụm được kiểm chứng bằng kiểm định ANOVA một chiều (one-way ANOVA) để xác nhận sự khác biệt có ý nghĩa thống kê giữa bốn nhóm trên từng trụ cột thành phần. Theo Murtagh & Legendre (2014), ANOVA là công cụ hiệu quả để đánh giá chất lượng phân cụm bằng cách kiểm định giả thuyết không ($H_0: \mu_1 = \mu_2 = \mu_3 = \mu_4$) về sự đồng nhất giữa các nhóm. Giá trị F-statistic cao và p-value nhỏ hơn sẽ chứng tỏ phương sai giữa các nhóm (between-group variance) lớn hơn đáng kể so với phương sai trong nhóm (within-group variance), xác nhận rằng phân cụm có chất lượng tốt và bốn nhóm có sự phân biệt rõ ràng về năng lực thực thi FTA (Hair & cộng sự, 2019). Ngoài ra, so sánh giá trị F-statistic giữa các trụ cột giúp xác định yếu tố nào phân biệt mạnh nhất giữa các nhóm (trụ cột có F-value cao nhất), từ đó đưa ra khuyến nghị chính sách có trọng tâm (Amhimmid & cộng sự, 2025). Phương pháp kết hợp giữa phân cụm Ward và kiểm định ANOVA đã được áp dụng thành công trong nhiều nghiên cứu phân loại địa phương theo hiệu suất thực hiện chính sách, cho thấy tính vững (robustness) của phương pháp luận này (Díaz-Mora & cộng sự, 2024; Wani & cộng sự, 2024).

4. Kết quả nghiên cứu và thảo luận

Kết quả phân cụm cho thấy các tỉnh thành được chia thành 4 nhóm như Hình 1. Danh sách tỉnh theo 4 nhóm. Nhóm 1 gồm các tỉnh: Thanh Hóa, Cà Mau, Khánh Hòa, Bình Dương, Bạc Liêu, Ninh Bình, Trà Vinh, Quảng Bình, Quảng Ninh, Kiên Giang, Hà Giang, Long An, Điện Biên, Thái Nguyên và Bà Rịa Vũng Tàu. Nhóm 2 gồm các tỉnh: Phú Yên, Tiền Giang, Bình Định, TP. Hồ Chí Minh,

Lâm Đồng, Bình Thuận, Bến Tre, Hải Phòng, Đắk Lắk và Đồng Nai. Nhóm 3 gồm các tỉnh: Hà Nội, Cần Thơ, Sóc Trăng, Bình Phước, Quảng Nam, Kon Tum, Nghệ An, Thái Bình, Tây Ninh, An Giang, Lạng Sơn, Bắc Giang, Lào Cai và Đồng Tháp. Nhóm 4 gồm các tỉnh: Hòa Bình, Phú Thọ, Yên Bái, Nam Định, Bắc Ninh, Hải Dương, Hà Nam, Thừa Thiên Huế, Gia Lai, Vĩnh Phúc, Ninh Thuận, Đà Nẵng, Hưng Yên, Hà Tĩnh, Quảng Trị.



Hình 1. Phân cụm bằng phương pháp Ward 54 Tỉnh thành Việt Nam theo FTA Index 2024

Nguồn: Tính toán của nhóm tác giả

Kết quả phân tích từ Bảng 1 cho thấy sự phân bố tương đối đồng đều giữa các nhóm, tỷ lệ các nhóm dao động trong khoảng 18,5% - 27,8% với chênh lệch lớn nhất chỉ 9,3%, giữa nhóm Khá với ba nhóm còn lại. Điều này cho thấy không tồn tại hiện tượng vùng trung thực thi FTA ở Việt Nam. Điều này khác biệt với nhiều quốc gia đang phát triển khác thường có xu hướng tập trung thực thi chính sách thương mại ở một số ít trung tâm đô thị lớn như đã được Krugman & Elizondo (1996) chỉ ra. Kết quả cũng phù hợp với nhận định của Luu & Yu (2020) về tầm quan trọng của việc phổ cập kiến thức FTA trong toàn bộ hệ thống hành chính địa phương.

Dù phân bố tương đối cân đối nhưng khoảng cách điểm số giữa các nhóm lại rất lớn. Khoảng cách điểm giữa nhóm 1 với nhóm 4 là 11,08 điểm, tương đương 63,8%; giữa nhóm 1 với nhóm 2 là 3,09 điểm, tương đương 12,2%; giữa nhóm 2 với nhóm 3 là 4, tương đương với 15,8%; giữa nhóm 3 với nhóm 4 là

3,99 điểm tương đương 18,7%. Chênh lệch giữa nhóm cao nhất với nhóm thấp nhất lên tới 63,8%. Mức chênh lệch này vượt xa ngưỡng phân biệt có ý nghĩa thống kê, và cao hơn đáng kể so với các chỉ số đánh giá môi trường kinh doanh tổng thể như PCI 2023 (chênh lệch chỉ khoảng 20-25 điểm trên thang 100) (Duke DCID, 2024). Điều này cho thấy FTA Index phản ánh sự phân hóa sâu sắc hơn, dẫn tới yêu cầu can thiệp cũng phải phân hóa, không thể áp dụng một mô hình hỗ trợ duy nhất cho toàn quốc.

Bên cạnh đó, thông qua phân tích khoảng điểm cho thấy những đặc điểm quan trọng về cấu trúc nội tại của từng nhóm. Nhóm dẫn đầu và nhóm khá thể hiện tính đồng nhất cao với khoảng điểm thấp (3,45 điểm với nhóm dẫn đầu và 2,51 với nhóm khá), cho thấy sự tập trung chặt chẽ của các địa phương trong nhóm này. Điều này phản ánh rằng các tỉnh thành dẫn đầu có mức độ phát triển tương đương nhau và ổn định về năng lực thực thi FTA. Ngược lại, nhóm trung bình và nhóm cần cải thiện có độ đồng nhất thấp hơn do khoảng điểm của hai nhóm này cao (khoảng 8 điểm), phản ánh sự không đồng đều nội bộ, điều này có thể là do sự khác biệt về trình độ phát triển kinh tế, nguồn lực hành chính và nhân thực về FTA giữa các địa phương trong cùng một nhóm.

Bảng 1 Thống kê mô tả FTA Index và các trụ cột theo 4 nhóm tỉnh thành

Nhóm	Mô tả	Số tỉnh	FTA Index TB	Khoảng điểm	Tuyên truyền	Pháp luật	Hỗ trợ doanh nghiệp	Bền vững
1	Nhóm dẫn đầu	15	28,45	27,28 -30,73	7,37	7,12	6,65	7,32
2	Nhóm khá	10	25,36	24,45 -26,96	6,60	6,08	5,74	6,93
3	Nhóm trung bình	14	21,36	18,77 -22,87	5,51	5,21	5,13	5,51
4	Nhóm cần cải thiện	15	17,37	11,70 -19,70	5,18	3,93	3,98	4,27

Nguồn: Tính toán của nhóm tác giả

Theo trụ cột, kết quả từ Bảng 1 cùng Bảng 2 cho thấy, điểm trung bình về tuyên truyền và phổ biến thông tin FTA giảm dần từ 7,37 điểm ở nhóm dẫn đầu xuống 5,18 điểm ở nhóm cần cải thiện, với mức chênh lệch 2,19 điểm (tương đương 42%). Sự khác biệt này phản ánh rõ rệt trình độ phát triển không đồng đều về hệ thống thông tin và cơ chế truyền thông FTA giữa các địa phương. Đặc biệt, khoảng cách điểm số giữa nhóm khá (6,60) và nhóm trung bình (5,51) lên tới 1,09 điểm, cho thấy độ phân hóa rõ rệt trong khả năng tiếp cận thông tin

FTA, Đồng thời, kết quả kiểm định ANOVA tại Bảng 2 với F-value đạt 48,14 và p-value nhỏ hơn 0,001 xác nhận sự khác biệt có ý nghĩa thống kê giữa các nhóm, nhưng mức độ phân biệt ở mức “Trung bình”. Điều này cho thấy trong bối cảnh công nghệ thông tin phát triển, khoảng cách tiếp cận thông tin FTA giữa các địa phương đã thu hẹp, nhưng chất lượng tuyên truyền và tính phù hợp với nhu cầu doanh nghiệp vẫn còn hạn chế tại nhiều nơi (Nguyễn & Võ, 2024),

Tiếp theo, với trụ cột Thực hiện quy định pháp luật, dữ liệu từ Bảng 1 cho thấy sự sụt giảm đáng kể về điểm thực hiện pháp luật từ nhóm dẫn đầu (7,12 điểm) xuống nhóm cần cải thiện (3,93 điểm), với mức chênh lệch lên tới 3,19 điểm (tương đương 81%). Đây là một trong những khoảng cách lớn nhất giữa các nhóm, cho thấy sự khác biệt sâu sắc về năng lực thể chế và hiệu quả thực thi pháp luật FTA giữa các địa phương. Đặc biệt đáng chú ý, điểm số của nhóm cần cải thiện (3,93) thấp hơn cả ngưỡng trung bình (5,0 điểm), cho thấy những tồn tại nghiêm trọng trong công tác nội luật hóa và thực thi các cam kết FTA tại các địa phương này. Kết quả kiểm định ANOVA với F-value đạt 74,53 và mức độ phân biệt “Cao”, xác nhận đây là yếu tố phân biệt quan trọng thứ hai giữa các nhóm tỉnh thành, Mức F-value cao cho thấy sự khác biệt về thực hiện pháp luật FTA không chỉ là ngẫu nhiên mà có cơ sở thống kê vững chắc. Điều này phù hợp với nhận định của Văn (2024) về sự không đồng đều trong hệ thống thể chế và năng lực hành chính công giữa các địa phương Việt Nam. Các tỉnh thành có năng lực thể chế mạnh, đội ngũ cán bộ pháp lý chuyên nghiệp và quy trình thủ tục hành chính minh bạch thường thực hiện tốt hơn việc nội luật hóa các cam kết FTA. Ngược lại, các địa phương còn hạn chế về nguồn lực và năng lực thể chế thường gặp khó khăn trong việc chuyển hóa các cam kết quốc tế thành văn bản pháp luật địa phương,

Với trụ cột Chính sách hỗ trợ doanh nghiệp có chênh lệch lớn nhất với 2,67 điểm (từ 6,65 xuống 3,98), tương đương 67% khác biệt. Điểm 3,98 của nhóm cuối bảng cho thấy các chính sách hỗ trợ gần như không hiệu quả hoặc thiếu vắng, Kết quả kiểm định ANOVA với F-value đạt 79,85, cao nhất trong bốn trụ cột, xác nhận đây là yếu tố phân biệt mạnh nhất. Điều này cho thấy vai trò quan trọng của các chương trình hỗ trợ doanh nghiệp trong việc xác định năng lực tận dụng FTA của địa phương. Các địa phương có hệ thống hỗ trợ doanh nghiệp phát triển, tổ chức trung gian hoạt động hiệu quả và cơ chế phối hợp chính quyền - doanh nghiệp chặt chẽ thường đạt kết quả tốt hơn trong việc tận dụng các FTA (Nguyễn & Võ, 2024),

Cuối cùng, với trụ cột Phát triển bền vững ghi nhận chênh lệch 3,05 điểm (từ 7,32 xuống 4,27), tương đương 71% khác biệt. Khoảng cách này chủ yếu đến từ việc các địa phương nhóm đầu đã tiếp cận các cam kết phát triển bền vững trong FTA thể hệ mới, trong khi các địa phương nhóm cuối còn tập trung vào các vấn đề cơ bản như thuế quan và quy tắc xuất xứ. Kết quả kiểm định ANOVA với

F-value đạt 42,83, thấp nhất trong bốn trụ cột, cho thấy đây là yếu tố phân biệt yếu nhất, Điều này phản ánh thực tế việc triển khai các cam kết phát triển bền vững trong FTA còn ở giai đoạn đầu tại Việt Nam và chưa được thực hiện đồng đều ở các địa phương (Baldwin, 2011)

Bảng 2. Kiểm định ANOVA so sánh mức độ phân biệt giữa từng trụ cột

Trụ cột	F-value	p-value	Phân biệt
Hỗ trợ doanh nghiệp	79,85	< 0,001	Cao nhất
Thực hiện pháp luật	74,53	< 0,001	Cao
Tuyên truyền thông tin	48,14	< 0,001	Trung bình
Phát triển bền vững	42,83	< 0,001	Thấp nhất

Nguồn: Tính toán của nhóm tác giả

Kết quả phân tích cho thấy sự phân hóa rõ rệt về năng lực tận dụng FTA giữa các địa phương thông qua bốn trụ cột thành phần. Trong đó, chính sách hỗ trợ doanh nghiệp và thực hiện pháp luật là hai yếu tố phân biệt mạnh nhất, còn tuyên truyền thông tin và phát triển bền vững có mức độ phân biệt thấp hơn. Điều này đòi hỏi các chính sách hỗ trợ cần tập trung vào việc tăng cường năng lực hỗ trợ doanh nghiệp và cải thiện hiệu quả thực thi pháp luật tại các địa phương nhóm cuối bảng

5. Hàm ý chính sách và kết luận

Trên cơ sở những phát hiện của nghiên cứu, bài viết xác định 4 nhóm địa phương với đặc điểm phát triển khác biệt, đòi hỏi các giải pháp chính sách cũng cần phân biệt. Nhóm 1 (15 tỉnh dẫn đầu) cần tiếp tục phát huy vai trò đầu tàu trong tận dụng FTA, tập trung nâng cao chất lượng phát triển bền vững, xây dựng mô hình thực thi FTA tiên tiến để chia sẻ kinh nghiệm cho các địa phương khác, đề xuất thí điểm các cơ chế hỗ trợ doanh nghiệp mới như quỹ bảo lãnh xuất khẩu, trung tâm tư vấn kỹ thuật FTA chuyên sâu. Nhóm 2 (10 tỉnh khá) cần thiết củng cố và nâng cao các trụ cột đã có thế mạnh, đầu tư mạnh vào hệ thống thông tin FTA và tăng cường năng lực hỗ trợ doanh nghiệp, xây dựng chương trình kết nối với nhóm 1 để học hỏi kinh nghiệm thực tiễn. Nhóm 3 (14 tỉnh trung bình) cần cải thiện thực hiện pháp luật và chính sách hỗ trợ doanh nghiệp, đây là hai trụ cột có khoảng cách lớn với nhóm này, cần đào tạo nâng cao năng lực cán bộ pháp lý, xây dựng cơ chế một cửa cho doanh nghiệp tiếp cận FTA, ưu tiên ngân sách cho các chương trình tập huấn và tư vấn trực tiếp. Nhóm 4 (15 tỉnh cần cải thiện) cần hỗ trợ toàn diện từ Trung ương. Trọng điểm là tăng cường tuyên truyền đa kênh, đi cùng hỗ trợ kỹ thuật, thành lập tổ tư vấn pháp lý luân chuyên hỗ trợ địa phương, xây dựng quỹ hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa và tích hợp phát triển bền vững vào các chương trình phát triển kinh tế địa phương,

Như vậy, nghiên cứu này sử dụng dữ liệu từ FTA Index 2024 để phân loại các tỉnh thành Việt Nam thành 4 nhóm với đặc điểm phát triển khác biệt rõ rệt. Kết quả khẳng định sự phân hóa sâu sắc về năng lực tận dụng FTA giữa các địa phương, với chênh lệch 11,08 điểm giữa nhóm đầu và nhóm cuối. Phân tích cho thấy chính sách hỗ trợ doanh nghiệp và thực hiện pháp luật là hai yếu tố phân biệt mạnh nhất, cần được ưu tiên trong các chính sách hỗ trợ,

Nghiên cứu này có 03 đóng góp chính. Một là cung cấp cơ sở khoa học cho việc xây dựng chính sách FTA phân biệt theo địa phương. Hai là xác định cụ thể các nhóm địa phương và đặc điểm phát triển. Ba là chỉ ra các trụ cột ưu tiên cần can thiệp cho từng nhóm. Bên cạnh đó, nghiên cứu vẫn còn hạn chế là sử dụng dữ liệu chéo tại một thời điểm, chưa phân tích xu hướng thay đổi theo thời gian. Nghiên cứu tiếp theo sẽ mở rộng phân tích động để đánh giá tiến trình cải thiện của các địa phương theo thời gian và xác định các yếu tố ảnh hưởng đến sự thay đổi năng lực tận dụng FTA.

Tài liệu tham khảo

- Amhimmid, A., Nasir, S. & Al-Abdulqader, K. (2025), “Cluster analysis of sustainable development goals: evidence from Gulf Cooperation Council countries”, *Journal of Cleaner Production*, Vol. 398, 136678.
- Baldwin, R. (2011), “Trade and industrialization after globalization's 2nd unbundling: How building and joining a supply chain are different and why it matters”, NBER Working Paper No. 17716.
- Bộ Công Thương (2024), *Báo cáo FTA Index 2024*, Bộ Công Thương Việt Nam, Hà Nội.
- Bộ Công Thương (2025), “Thông kê Hiệp định thương mại tự do của Việt Nam”, <https://moit.gov.vn>, truy cập ngày 05/10/2025.
- Depp, C. & cộng sự (2021), “Regional trade agreements and sustainable development: a systematic review”, *World Development*, Vol. 146, 105573.
- Díaz-Mora, C., Gandoy, R. & González, T. (2024), “Heterogeneous effects of trade agreements on firm performance: evidence from Spanish manufacturing”, *Review of World Economics*, Vol. 160 No. 3, pp. 455-478,
- Duke University DCID (2025), *Năng lực cạnh tranh cấp tỉnh của Việt Nam 2024*, Trung tâm Nghiên cứu Phát triển Quốc tế Đại học Duke, Hà Nội.
- Garv, A. & Verma, S. (2025), “Local implementation of India-UK trade agreement: Challenges and opportunities”, *Journal of Asian Economics*, Vol. 89, 101542.
- Hair, J., Black, W., Babin, B. & Anderson, R. (2019), *Multivariate Data Analysis (8th ed)*, Boston: Cengage Learning.
- Jadhav, P. & Ghosh, B. (2024), “Gravity model approach in trade agreement analysis: A meta-review”, *World Trade Review*, Vol. 23 No. 2, pp. 234-256.

- Ketchen, D. & Shook, C. (1996), “The application of cluster analysis in strategic management research: An analysis and critique”, *Strategic Management Journal*, Vol. 17 No. 6, pp.441-458,
- Milligan, G. & Cooper, M. (1988), “A study of standardization of variables in cluster analysis”, *Journal of Classification*, Vol. 5 No. 2, pp. 181-204.
- Murtagh, F. & Legendre, P. (2014), “Ward's hierarchical agglomerative clustering method: Which algorithms implement Ward's criterion?”, *Journal of Classification*, Vol. 31 No. 3, pp. 274-295.
- Nguyễn, T.H. & Võ, T.P. (2024), “Thực trạng và giải pháp nâng cao hiệu quả thực thi Hiệp định Thương mại tự do tại cấp địa phương”, *Tạp chí Kinh tế và Phát triển*, Vol. 26 No. 3, pp. 45-58.
- Pham, T.H., Nguyen, C.P. & Tran, M.D. (2024), “Trade creation and diversion effects of Hong Kong - ASEAN FTA: A gravity analysis”, *Asian Economic Papers*, Vol. 23 No. 1, pp. 89-112.
- Sirenko, O., Sobkow, A. & Vasylieva, T. (2024), “Regional disparities in FTA implementation: evidence from Eastern Europe”, *Post-Communist Economies*, Vol. 36 No. 4, pp.512-530.
- Székely, G. & Rizzo, M. (2005), “Hierarchical clustering via joint between-within distances: Extending Ward's minimum variance method”, *Journal of Classification*, Vol. 22 No. 2, pp. 151-183.
- Trần, V.H., Lê, T.M. & Phạm, D.A. (2024), “So sánh tác động của CPTPP và EVFTA đến xuất khẩu dệt may Việt Nam”, *Tạp chí Công Thương*, Vol. 45 No. 2, pp. 12-20.
- Trịnh, V.T. (2023), *Phân tích tác động của các FTA thế hệ mới đối với nền kinh tế Việt Nam*, Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
- Văn, T.T. (2024), “Sự không đồng đều trong việc tận dụng EVFTA giữa các tỉnh thành Việt Nam: Bằng chứng từ dữ liệu doanh nghiệp”, *Tạp chí Kinh tế Châu Á-Thái Bình Dương*, Vol. 42 No. 3, pp.178-195.
- Viner, J. (1950), *The Customs Union Issue*, New York: Carnegie Endowment for International Peace.
- Wani, M., Khan, S. & Bhat, A. (2024), “Cluster analysis of FTA utilization across Indian states: policy implications for regional development”, *Regional Studies*, Vol. 58 No. 5, pp. 987-1002.
- Ward, J. (1963), “Hierarchical grouping to optimize an objective function”, *Journal of the American Statistical Association*, Vol. 58 No. 301, pp. 236-244.
- World Trade Organization (2025), “Regional trade agreements information system”, <https://rtais.wto.org>, truy cập ngày 05/10/2025.